

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**    **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2006/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2006

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Chương trình dạy tiếng Mông**  
**cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

**BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Chương trình tiếng Mông kèm theo Quyết định này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các sở giáo dục và đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO    CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**CHƯƠNG TRÌNH**

**Dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-BGDĐT*

*ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

**I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH DẠY TIẾNG MÔNG CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CÔNG TÁC Ở VÙNG DÂN TỘC, MIỀN NÚI** (sau đây gọi tắt là Chương trình)

Mục tiêu của Chương trình là dạy tiếng Mông cho cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi (sau đây gọi là học viên) đạt các yêu cầu cơ bản sau:

1. Có kỹ năng nghe hiểu, đọc hiểu, nói đúng, viết đúng để có thể giao tiếp thông thường bằng tiếng Mông.

2. Có một số kiến thức cơ bản về tiếng Mông: hệ thống chữ viết, cách phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu, quy tắc chính tả và ngữ pháp, vốn từ cơ bản. Có một số hiểu biết cần thiết về văn hóa truyền thống và phong tục, tập quán của đồng bào dân tộc Mông.

3. Nâng cao ý thức bảo tồn và phát huy văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Mông.

**II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH**

**1. Phù hợp với đối tượng**

Học viên học Chương trình này là những cán bộ, công chức công tác ở vùng dân tộc, miền núi, chưa biết tiếng Mông, có nhu cầu hoặc được cử đi học tiếng Mông như một ngôn ngữ thứ hai. Nội dung Chương trình được biên soạn tinh giản, thiết thực, có tính thực hành cao, nhằm tạo điều kiện cho việc tổ chức dạy học được linh hoạt, thích hợp với tình hình thực tế ở nhiều địa phương, giúp cho học viên đạt được mục tiêu mà Chương trình đã đề ra khi kết thúc khóa học.

**2. Giao tiếp**

Quan điểm giao tiếp thể hiện trong cấu trúc nội dung và phương pháp dạy học:

- Nội dung học tập tập trung vào việc hình thành và rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, chú trọng hơn kỹ năng nghe và nói; lựa chọn các mẫu câu cơ bản, vốn từ cơ bản và các tình huống, hoàn cảnh giao tiếp thông dụng để hình thành và rèn luyện các kỹ năng;

- Phương pháp dạy học tập trung vào việc tổ chức cho học viên thực hành giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) bằng tiếng Mông, kết hợp chặt chẽ việc học trên lớp với việc thực hành giao tiếp trong công tác và đời sống hàng ngày với đồng bào dân tộc Mông.

### 3. Tích hợp

Tích hợp dạy các kỹ năng nghe, nói với các kỹ năng đọc, viết; tích hợp giữa dạy kiến thức cơ bản tiếng Mông, về đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào dân tộc Mông với dạy các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Mông. Tích hợp được cụ thể hóa trong cấu trúc của từng bài học: mỗi bài học có một bài khóa, trong bài khóa có một số yêu cầu rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; một số kiến thức về tiếng Mông, về văn hóa Mông, một số kiến thức phổ biến về khoa học, kinh tế, pháp luật, để học viên có thể vận dụng và hoàn thành tốt hơn công tác được giao.

### 4. Tích cực

Chương trình chú trọng bồi dưỡng cho học viên phương pháp tự học, tự đánh giá kết quả học tập. Học viên chủ động trong rèn luyện kỹ năng và tiếp cận kiến thức thông qua các hoạt động học tập tích cực như: sử dụng những kinh nghiệm, hiểu biết của mình vào việc học nghe, nói, đọc, viết. Học viên không chỉ được học dưới hình thức giáo viên dạy, đánh giá kết quả học tập mà còn được tổ chức tự học qua các hoạt động tham quan, thực hành vận dụng những kiến thức đã học vào công tác ở địa phương, tự đánh giá kết quả học tập của cá nhân, kết quả học tập của các học viên khác.

## III. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

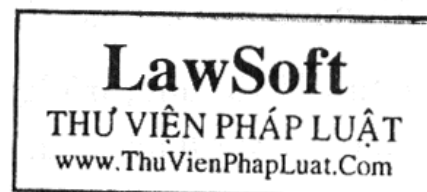
### 1. Thời lượng Chương trình

Chương trình gồm 450 tiết, mỗi tiết 45 phút.

### 2. Cấu trúc Chương trình và phân phối thời lượng

#### a) Cấu trúc Chương trình

- Chương trình được thiết kế thành nhiều cụm bài (khoảng 11 cụm bài). Mỗi



cụm bài ứng với một chủ đề. Thời lượng cho mỗi cụm bài tùy thuộc vào từng chủ đề và dao động trong khoảng từ 25 đến 40 tiết.

- Chương trình được chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn 1 học phát âm và viết chữ, giai đoạn 2 học theo các bài học tích hợp.

- Mỗi cụm bài gồm các bài học tích hợp. Mỗi bài học tích hợp gồm có các phần sau:

+ Bài khóa (bài hội thoại hoặc trích đoạn văn bản, văn bản hoàn chỉnh);

+ Luyện nghe, nói, đọc, viết;

+ Từ ngữ, Ngữ pháp.

b) Phân phối thời lượng cụ thể: khoảng 70% thời lượng dành cho luyện nghe và nói, đặc biệt luyện nghe phát âm phụ âm, thanh điệu; khoảng 30% thời lượng dành cho luyện đọc, viết, học từ ngữ, ngữ pháp. Thời lượng trên bao gồm cả thời lượng cho học viên đi thực tế ở địa phương (khoảng 15 tiết) và ôn tập, kiểm tra, đánh giá.

#### **IV. YÊU CẦU CƠ BẢN CẦN ĐẠT**

##### **1. Về kỹ năng**

a) Nghe hiểu ý kiến của đồng bào về những vấn đề đơn giản. Nghe hiểu nội dung cơ bản trong các cuộc hội thoại khoảng 200 từ; nghe được ý chính bản tin ngắn, lời phát biểu, mẩu chuyện và có thể ghi lại được một số ý chính.

b) Phát âm tương đối đúng các phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Mông. Nói tương đối rõ ràng, đúng với phương ngữ Mông, câu nói đúng ngữ pháp và mục đích giao tiếp để có thể: trao đổi với đồng bào dân tộc Mông về một vấn đề gần gũi trong đời sống (phổ biến kiến thức, hướng dẫn công việc, vận động đồng bào làm theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước..., trình bày ý kiến của cá nhân về một vấn đề thuộc các chủ đề văn hóa, xã hội của vùng đồng bào dân tộc Mông, có độ dài của lời nói khoảng 300 từ).

c) Đọc tương đối rõ ràng, trôi chảy các văn bản thông dụng: đơn, thư, bản tin ngắn, thông báo, tường thuật, văn bản phổ biến khoa học, chính sách, pháp luật; một số văn bản truyện, thơ dân gian của dân tộc Mông, có độ dài văn bản khoảng 200 từ. Hiểu nội dung, ý chính của văn bản.

d) Viết đoạn, bài ngắn phục vụ các mục đích giao tiếp: nhắn tin, thông báo, gửi thư trao đổi công việc, thuyết minh và giải thích một vấn đề gần gũi, kể chuyện, thuật việc đơn giản. Bài viết có độ dài khoảng 100 từ.

## 2. Về kiến thức

a) Biết cách phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Mông và cách ghi các phụ âm, vần thanh điệu tiếng Mông. Biết cách ghép âm vần để tạo từ tiếng Mông.

b) Có vốn khoảng 1000 đến 1500 từ (bao gồm cả thành ngữ và từ vay mượn) thuộc các chủ đề học tập. Nhận biết được các từ đơn, từ ghép, từ láy; từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa.

c) Biết quy tắc đặt một số kiểu câu: câu trần thuật đơn, câu hỏi, câu cầu khiến, câu cảm thán, câu ghép. Biết đặt câu có các thành phần trả lời những câu hỏi: Khi nào ? Bao giờ ? ở đâu ? Vì sao ? Để làm gì ? Bằng gì ? để đáp ứng yêu cầu giao tiếp với đồng bào dân tộc Mông.

d) Biết cách viết một số văn bản thông thường: thông báo, tin nhắn, thư, thuật việc đơn giản.

đ) Có hiểu biết về phong tục, tập quán và văn hóa truyền thống; hiểu và biết cách dùng những nghi thức lời nói phổ biến trong giao tiếp xã hội và biết cách ứng xử bằng ngôn ngữ phù hợp với văn hóa của người Mông.

## 3. Về thái độ và tình cảm

a) Có ý thức bảo tồn và phát huy tiếng nói, chữ viết, văn hóa truyền thống của dân tộc Mông.

b) Có thói quen học tập, sử dụng tiếng nói, chữ viết Mông trong công tác và trong đời sống.

## V. NỘI DUNG

### 1. Phát âm và viết chữ (khoảng 100 tiết).

- 58 phụ âm và ký tự ghi phụ âm: luyện phát âm, luyện viết; chú trọng các phụ âm tiếng Việt không có, các phụ âm bật hơi, các phụ âm tiền mũi.

- 24 vần và ký tự ghi vần: luyện phát âm, luyện viết.

- 8 thanh điệu và ký tự ghi thanh điệu: luyện phát âm, luyện viết. Chú trọng các thanh điệu tiếng Việt không có.

- Ghép phụ âm với vần, thanh điệu để tạo từ: luyện ghép vần, luyện viết.

- Luyện nghe và đáp lại lời chào hỏi, làm quen, tự giới thiệu về mình.

**2. Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Mông** (khoảng 350 tiết trong đó có khoảng 15 tiết dành cho đi thực tế và thực hành tại địa phương)

a) Nghe và nói

- Nghe phân biệt được các phụ âm, vần, thanh điệu của tiếng Mông đặc biệt là những phụ âm tắc/xát, phụ âm bật hơi/không bật hơi, phụ âm tiền mũi/không tiền mũi, những phụ âm và thanh điệu không có trong tiếng Việt.

- Nghe - hiểu những câu hỏi đơn giản về người, vật, việc; những câu kể chứa một hoặc hai thông báo đơn giản; những câu cầu khiến mang tính chỉ dẫn; những câu bộc lộ cảm xúc. Đặc biệt nghe - hiểu câu hỏi và câu cầu khiến có cấu trúc và ngữ điệu thể hiện đặc điểm riêng của tiếng Mông.

- Nghe - hiểu đoạn hoặc bài ngắn có nội dung: thông báo, phổ biến kiến thức hoặc chính sách, chỉ dẫn hành động, thuật việc, kể chuyện. Ghi lại một vài ý chính khi nghe.

- Phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Mông.

- Đặt câu hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản về người, vật, việc; về đặc điểm, tính chất; về thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân, cách thức, phương tiện, số lượng.

- Trình bày thông báo ngắn, lời chỉ dẫn, giải thích đơn giản bằng câu có cấu trúc đơn giản.

- Trình bày một vấn đề có nội dung thuộc các chủ điểm đã học bằng một số câu đơn giản.

- Kể mẩu chuyện đã biết, đã chứng kiến; thuật việc đơn giản đã biết, đã làm.

- Sử dụng một số nghi thức lời nói phổ biến trong giao tiếp phù hợp với phong tục và văn hóa Mông: chào gặp mặt và chào tạm biệt, hỏi thăm, chúc mừng, chia vui, chia buồn, cầu khiến lịch sự, thưa gửi khi nói trước nhiều người.

b) Đọc

- Đọc các ký tự ghi phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Mông, các chữ ghi âm tiết, từ. Chú ý đọc các phụ âm, thanh điệu tiếng Việt không có (các phụ âm tắc, phụ âm xát, phụ âm bật hơi, phụ âm tiền mũi).

- Đọc câu trong văn bản có ngắt hơi ở dấu câu, có ngữ điệu đúng với kiểu câu.

- Đọc - hiểu ý chính của văn bản ngắn thuộc các loại: bản tin, thư trao đổi công việc, văn bản phổ biến kiến thức, chính sách, một số truyện, một số bài thơ dân gian của dân tộc Mông.

c) Viết

- Tập chép: các ký tự ghi phụ âm, vần; từ, câu, đoạn văn, bài văn ngắn.

- Viết chính tả (nghe - viết): các ký tự ghi phụ âm đặc biệt là các phụ âm tiếng Việt không có, các phụ âm tắc, xát, bật hơi, tiền mũi; vần, từ, câu, đoạn hoặc bài ngắn.

- Viết: thông báo, tin ngắn, lời chỉ dẫn, thư trao đổi công việc; đơn (theo mẫu); đoạn văn thuật việc, kể chuyện đã biết, đã chứng kiến.

**3. Tích hợp dạy kiến thức cơ bản, phổ thông về tiếng Mông, về văn hóa dân tộc Mông với dạy kỹ năng.**

a) Ngữ âm và chữ viết

- Các ký tự ghi phụ âm đầu, vần, thanh điệu và cách phát âm phụ âm đầu, vần, thanh điệu tiếng Mông.

- Quy tắc tạo âm tiết tiếng Mông.

- Cách đọc từ láy, từ ghép.

- Sự khác biệt của một số phương ngữ tiếng Mông.

- Quy tắc viết hoa: tên người, tên địa lý, chữ cái ở đầu câu.

b) Từ vựng

- Vốn từ khoảng 1000 đến 1500 từ cơ bản, thường dùng thuộc các chủ đề học tập (bao gồm cả một số thành ngữ, từ vay mượn).

- Từ vay mượn và quy tắc vay mượn từ trong tiếng Mông.

- Các quy tắc cấu tạo từ: ghép và láy

c) Ngữ pháp

- Từ loại: danh từ, cụm danh từ và trật tự từ trong cụm danh từ; động từ, cụm động từ và các phụ từ chỉ thời gian, chỉ hướng hành động trong cụm động từ; tính từ và cụm tính từ, cách lập tính từ để biểu đạt ý nghĩa mức độ của tính từ; một số quan hệ từ đặc biệt là các quan hệ từ nối vế trong câu ghép.



- Câu:

+ Câu trần thuật đơn có vị ngữ là phần giới thiệu; câu trần thuật đơn có vị ngữ chỉ hành động, trạng thái, cảm xúc; câu trần thuật đơn có vị ngữ chỉ đặc điểm, tính chất.

+ Câu hỏi: câu hỏi không lựa chọn về người, vật, hành động, trạng thái, đặc điểm, thời gian, địa điểm, mục đích, nguyên nhân; câu hỏi có lựa chọn về hành động, trạng thái, cảm xúc; câu hỏi giả thiết. Chú trọng câu hỏi có lựa chọn (ví dụ: Anh đã ăn cơm rồi. Anh ăn cơm chưa ?);

+ Câu cầu khiến;

+ Câu cảm thán;

+ Câu khẳng định và câu phủ định;

+ Câu ghép;

+ Các dấu câu dùng trong những câu đã học: dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu hai chấm, dấu chấm lửng, dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép, dấu gạch ngang.

- Cách tạo lập một đoạn văn; cách viết một vài văn bản thông thường: đơn, thư trao đổi công việc, thông báo, tin ngắn.

d) Hoạt động giao tiếp

- Một số nghi thức lời nói: chào gặp mặt và chào tạm biệt, hỏi thăm, chia vui, chia buồn, chúc mừng, cầu khiến lịch sự, nghi thức nói khi điều khiển cuộc họp hoặc phát biểu trước nhiều người.

- Một số điều kiêng kỵ khi giao tiếp miệng về phương diện ngữ âm, từ vựng và cách biểu đạt ý nghĩ.

đ) Một số phong tục, tập quán của người Mông

- Giới thiệu làm quen, mời cơm, nhà có kiêng, thờ cúng tổ tiên, ma chay, cưới xin.

#### 4. Các chủ đề học tiếng Mông

a) Gia đình, dòng tộc

- Quan hệ và tình cảm gia đình, dòng tộc.

- Đồ dùng, vật dụng trong sinh hoạt, sản xuất.

- Thu nhập và chi tiêu trong gia đình.

- Hôn nhân.

- Sinh đẻ có kế hoạch.

b) Bản làng, quê hương

- Quan hệ và tình cảm ở bản làng, quê hương.

- Các tộc người Mông và địa bàn cư trú của các tộc người Mông.

- Quy định, quy ước của bản làng.

- Đổi mới bản làng, quê hương.

c) Thiên nhiên, môi trường

- Mùa, thời tiết, khí hậu.

- Núi, rừng, nương, suối, sông, biển.

- Chim rừng, thú rừng.

- Vật nuôi, cây trồng.

- Bảo vệ tài nguyên, môi trường (theo tập tục và theo pháp luật).

d) Đất nước Việt Nam và các nước láng giềng

- Tổ quốc Việt Nam.

- Người Mông và các dân tộc trên đất nước Việt Nam.

- Các nước láng giềng: Trung Quốc, Lào, Campuchia và một số nước ở khu vực Đông Nam Á.

đ) Người Mông ơn Đảng, ơn Bác Hồ

- Cuộc sống của người Mông từ khi có Đảng và Bác Hồ.

- Những mẫu chuyện về Bác Hồ.

- Các đảng viên ưu tú người Mông.

- Tình cảm của người Mông với Đảng và Bác Hồ.

e) Sản xuất, tăng thu nhập

- Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng.

- Kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt.

- Kỹ thuật chế biến, bảo quản nông sản.

- Làm kinh tế gia đình.
- Các nghề truyền thống (trồng lanh, dệt thổ cẩm, ...).
- Những điển hình tiên tiến trong lao động.

g) Chăm sóc sức khỏe

- Những tập quán có hại cho sức khỏe.
- Cách phòng ngừa tai nạn, thương tích, cách phòng tránh một số bệnh.
- Vệ sinh ăn uống
- Vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng.
- Sử dụng an toàn các chất hóa học trong sinh hoạt, sản xuất.
- Các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền.
- Khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện

h) Giáo dục

- Người Mông xóa mù chữ và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.
- Người Mông học tập thường xuyên ở bản làng.
- Gương người Mông học tập tích cực (trẻ em, người lớn).

i) Bảo vệ Tổ quốc

- Truyền thống yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của người Việt Nam.
- Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hòa bình của những kẻ thù địch.
- Bảo vệ biên cương.
- Giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Mông.
- Những gương tốt người Mông bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương.

k) Văn hóa dân tộc

- Lịch sử dân tộc và truyền thống văn hóa Mông.
- Âm nhạc, văn học dân gian của người Mông.
- Trang phục của người Mông.

- Lễ hội và một số phong tục, tập quán đẹp của người Mông.
- Xây dựng nếp sống văn hóa mới, gia đình văn hóa, bản làng văn hóa ở vùng người Mông.
- Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa Mông.

1) Chính sách và pháp luật

- Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với đồng bào dân tộc.
- Các quyền cơ bản và nghĩa vụ công dân.
- Một số vấn đề về pháp luật.
- Người Mông sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.

Những nội dung nêu ở mục 2, 3, 4 được liên kết với nhau trong các cụm bài học tích hợp. Tích hợp dạy kiến thức và kỹ năng theo hệ thống chủ đề. Dưới đây là một phương án liên kết chương trình nêu lên để các tác giả biên soạn tài liệu dạy tiếng Mông tham khảo.

Chủ đề học tập - Bài khóa	Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết
<p><b>1. Gia đình, dòng tộc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ và tình cảm gia đình, dòng tộc.</li> <li>- Đồ dùng, vật dụng trong sinh hoạt, sản xuất.</li> <li>- Thu nhập và chi tiêu trong gia đình.</li> <li>- Hôn nhân.</li> <li>- Sinh đẻ có kế hoạch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- củng cố cách đọc một số phụ âm, thanh điệu tiếng Mông đã học: các phụ âm không có trong tiếng Việt, các phụ âm bật hơi, các phụ âm tiền mũi.</li> <li>- Từ ngữ về gia đình, dòng tộc; từ xưng hô; từ chỉ số đếm và số thứ tự; từ chỉ thời gian. Một số thành ngữ, tục ngữ ca dao nói về chủ điểm gia đình. Từ đơn và ghép.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi và trả lời câu hỏi: về ngày, giờ và thời gian nói chung; về công việc làm; về số lượng, số thứ tự; về các thành viên và công việc của các thành viên trong gia đình. (Khi nào thu hoạch ngô? Tháng này là tháng mấy? Nhà bạn có mấy người? Bao giờ anh đi chợ? Chồng chị đang làm gì?...).</li> <li>- Nói lời giới thiệu về gia đình và công việc trong gia đình.</li> </ul>

09392473

Chủ đề học tập - Bài khóa	Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông	Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Câu trần thuật đơn có mô hình Ai - là ai ?, Ai - làm gì. Câu hỏi không lựa chọn về thời gian, công việc, số lượng, số thứ tự. Dấu chấm và dấu chấm hỏi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luyện đọc từ ghép; luyện đọc bài khóa và trả lời câu hỏi về nội dung bài khóa.</li> <li>- Tập chép và viết chính tả nghe - viết một đoạn của bài khóa.</li> </ul>
<p><b>2. Bản làng, quê hương</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ và tình cảm ở bản làng, quê hương.</li> <li>- Các tộc người Mông và địa bàn cư trú của các tộc người Mông.</li> <li>- Quy định, quy ước của bản làng.</li> <li>- Đổi mới bản làng, quê hương .</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về bản làng và những chức danh trong bản làng, xã; từ ngữ về giao thông, các sinh hoạt ở bản làng; một số địa danh và từ chỉ các tộc người Mông ở Việt Nam. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm. Từ nghi vấn. Từ láy.</li> <li>- Danh từ, cụm danh từ và trật tự từ trong cụm danh từ.</li> <li>- Câu trần thuật đơn chỉ hành động, trạng thái, cảm xúc. Câu hỏi không lựa chọn về địa điểm, phương hướng, mục đích. Dấu gạch ngang.</li> <li>- Nghi thức giao tiếp và văn hóa ứng xử: cảm ơn, xin lỗi, hỏi thăm, chúc mừng, chia buồn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói và đáp lời cảm ơn, xin lỗi, hỏi thăm, chúc mừng, chia buồn.</li> <li>- Hỏi đáp về đường đi, địa điểm, phương hướng, mục đích, hành động, trạng thái, cảm xúc (Xin bác chỉ cho đường nào đi về bản ? Đi bản lối này. Cảm ơn bác. / Chúng ta giữ cây rừng để làm gì ? Để tránh nước lũ./ ...).</li> <li>- Nói lời giới thiệu về bản làng, xã.</li> <li>- Luyện đọc từ láy; luyện đọc bài khóa và trả lời câu hỏi về nội dung bài khóa; luyện tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Tập chép và viết chính tả nghe - viết một đoạn của bài khóa.</li> </ul>

<p><b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b></p>	<p><b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b></p>	<p><b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b></p>
<p><b>3. Thiên nhiên, môi trường</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mùa, thời tiết, khí hậu.</li> <li>- Núi, rừng, nương, suối, sông, biển.</li> <li>- Chim rừng, thú rừng.</li> <li>- Vật nuôi, cây trồng.</li> <li>- Bảo vệ tài nguyên, môi trường (theo tập tục và theo pháp luật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về mùa, các hiện tượng thời tiết ở vùng cao, cây trồng theo mùa của người Mông, chim, thú rừng có trong từng mùa, cảnh vật tự nhiên ở vùng cao. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ đề. Từ chỉ các đơn vị đo lường. Từ chỉ loại.</li> <li>- Động từ, cụm động từ và các từ chỉ hướng hành động, chỉ thời gian.</li> <li>- Câu hỏi lựa chọn và cách biểu đạt ý nghĩa lựa chọn trong câu hỏi. Câu cầu khiến và từ cầu khiến. Dấu chấm than.</li> <li>- Đoạn văn chỉ dẫn.</li> <li>- Một vài điều kiêng kỵ khi nói chuyện.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp những câu hỏi lựa chọn về hành động. (Cháu đã đi học rồi / chưa ? Bản ta có điện rồi / chưa?).</li> <li>- Nói và đáp lời cầu khiến trong các tình huống: yêu cầu, đề nghị, nhờ vả. (Xin bác cho xem sổ khám bệnh ! Xin chị nấu nước cho các cháu bé uống ! Nhờ bà cho cán bộ nghỉ lại trong nhà để tránh lũ ! ...).</li> <li>- Nói lời giới thiệu về: thời tiết và các mùa ở vùng cao, cảnh vật tự nhiên ở vùng cao, cây và con ở vùng cao, hoạt động bảo vệ môi trường ở vùng cao.</li> <li>- Luyện đọc bài khóa và trả lời câu hỏi về nội dung bài khóa; luyện tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Tập chép và viết chính tả nghe - viết một đoạn của bài khóa.</li> <li>- Viết lời chỉ dẫn đơn giản.</li> </ul>
<p><b>4. Đất nước Việt Nam và các nước láng giềng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ quốc Việt Nam.</li> <li>- Người Mông và các dân tộc trên đất nước Việt Nam.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về: lịch sử và địa lý Việt Nam, các dân tộc ở Việt Nam, tên một số nước trong khu vực Đông Nam Á, các ngày lễ lớn ở Việt Nam</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp về đất nước và con người Việt Nam, về các nước láng giềng. Hỏi đáp câu có mô hình Ai - thế nào ? (Khu rừng này thế nào ? Cháu bé thế nào ?...).</li> </ul>

**LawSoft**  
THƯ VIỆN PHÁP LUẬT  
www.ThuVienPhapLuat.Com

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

<b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b>	<b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b>	<b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b>
<p>- Các nước láng giềng: Trung Quốc, Lào, Campuchia và một số nước ở khu vực Đông Nam á.</p>	<p>và ở vùng người Mông. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm.</p> <p>- Tính từ và cách lập tính từ để biểu đạt ý nghĩa mức độ của tính từ, cụm tính từ.</p> <p>- Câu trần thuật đơn có vị ngữ chỉ đặc điểm, tính chất. Câu cảm thán và từ cảm thán. củng cố các mẫu câu trần thuật, câu hỏi, câu cầu khiến đã học. Dấu chấm than.</p> <p>- Thư trao đổi công việc - Nghi thức nói chuyện trước nhiều người.</p>	<p>- Nói lời giới thiệu về đất nước Việt Nam, về người Mông ở Việt Nam. Trao đổi về tình đoàn kết của các dân tộc ở Việt Nam, về tình đoàn kết của nhân dân Việt Nam và nhân dân các nước láng giềng.</p> <p>- Nói lời bộc lộ cảm xúc.</p> <p>- Luyện đọc bài khóa và trả lời câu hỏi về nội dung bài khóa; luyện tóm tắt bài khóa.</p> <p>- Tập chép và viết chính tả nghe - viết một đoạn của bài khóa. Viết tên địa lý Việt Nam và tên địa lý nước ngoài.</p> <p>- Viết đoạn thuyết minh đơn giản về một vấn đề trong các chủ đề đã học. Viết thư trao đổi công việc.</p>
<p><b>5. Người Mông ơn Đảng, ơn Bác Hồ</b></p> <p>- Cuộc sống của người Mông từ khi có Đảng và Bác Hồ.</p> <p>- Những mẫu chuyện về Bác Hồ.</p> <p>- Các đảng viên ưu tú người Mông.</p> <p>- Tình cảm của người</p>	<p>- Từ ngữ về Đảng, Bác Hồ, tình cảm của người Mông và nhân dân Việt Nam với Đảng và Bác. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao nói về chủ điểm.</p> <p>- Từ địa phương và từ vay mượn trong tiếng Mông.</p>	<p>- Hỏi đáp câu hỏi Vì sao? bằng gì? (Vì sao người Mông ơn Đảng, ơn Bác Hồ? Chúng ta về thủ đô bằng gì?...). Hỏi và đáp câu hỏi bằng lời phủ định, từ chối.</p> <p>- Nói về tình cảm của người Mông với Đảng và Bác. Nói về công ơn của Đảng và Bác Hồ đối với người Mông.</p>

<p><b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b></p>	<p><b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b></p>	<p><b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b></p>
<p>Mông với Đảng và Bác Hồ.</p>	<p>- Câu để phủ định, từ chối, bác bỏ. Dấu chấm lửng.</p>	<p>- Nói lời từ chối , bác bỏ. - Luyện đọc bài khóa, trả lời câu hỏi để hiểu nội dung bài, tóm tắt bài. - Viết chính tả đoạn trích của bài khóa hoặc bài khóa ngắn. Viết đoạn văn thuyết minh nói về người Mông sống và làm việc theo chính sách của Đảng, lời dạy của Bác.</p>
<p><b>6. Sản xuất, tăng thu nhập</b> - Chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng. - Kỹ thuật chăn nuôi, trồng trọt. - Kỹ thuật chế biến, bảo quản nông sản. - Làm kinh tế gia đình. - Các nghề truyền thống (trồng lanh, dệt thổ cẩm, rèn, ...). - Những điển hình tiên tiến trong lao động.</p>	<p>- Từ ngữ về lao động sản xuất (vật nuôi, cây trồng, kỹ thuật canh tác, các nghề truyền thống...). Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm. - Từ ngữ về tiền tệ, giá cả. - Từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa và từ đồng âm. - Câu ghép. Dấu phẩy, dấu hai chấm.</p>	<p>- Hỏi đáp về giá cả. - Nói lời chỉ dẫn về trồng trọt, chăn nuôi, làm nghề truyền thống, làm kinh tế gia đình, bảo quản nông sản. - Nói lời giới thiệu về những điển hình tiên tiến trong lao động ở địa phương. - Luyện đọc bài khóa, tóm tắt bài khóa và trả lời câu hỏi về nội dung bài khóa. - Viết chính tả đoạn hoặc bài ngắn. Viết đoạn văn chỉ dẫn và đoạn văn thuyết minh (giới thiệu) về chủ điểm.</p>
<p><b>7. Chăm sóc sức khỏe</b> - Những tập quán có hại cho sức khỏe. - Cách phòng ngừa tai nạn, thương tích, cách</p>	<p>- Từ ngữ về sức khỏe: bệnh tật, cách điều trị, cây thuốc dân gian, thuốc chữa bệnh, bệnh viện, trạm y tế, cách</p>	<p>- Hỏi đáp về bệnh tật và khám chữa bệnh. - Nói lời chỉ dẫn phòng và chữa bệnh, lời chỉ dẫn dùng thuốc, lời chỉ dẫn trồng cây</p>



<b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b>	<b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b>	<b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b>
<p>phòng tránh một số bệnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh ăn uống</li> <li>- Vệ sinh cá nhân, nhà ở, bản làng.</li> <li>- Sử dụng an toàn các chất hóa học trong sinh hoạt, sản xuất.</li> <li>- Các dược liệu truyền thống trong dân gian và điều trị bệnh bằng y học cổ truyền.</li> <li>- Khám chữa bệnh tại trạm y tế, bệnh viện.</li> </ul>	<p>phòng ngừa và điều trị bệnh. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Củng cố từ vay mượn, từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm.</li> <li>- Quan hệ từ.</li> <li>- Câu ghép nối về bằng quan hệ từ. Dấu ngoặc đơn, dấu ngoặc kép.</li> </ul>	<p>thuộc dân gian.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nói lời thuyết minh về chăm sóc sức khỏe bằng cả câu đơn và câu ghép.</li> <li>- Luyện đọc bài khóa, trả lời câu hỏi để hiểu nội dung, tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Viết chính tả trích đoạn hoặc toàn bài khóa ngắn. Viết đoạn chỉ dẫn, đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) những nội dung thuộc chủ điểm.</li> </ul>
<p><b>8. Giáo dục</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người Mông xoá mù chữ và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.</li> <li>- Người Mông học tập thường xuyên ở bản làng.</li> <li>- gương người Mông học tập tích cực (trẻ em, người lớn).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về học tập, trường lớp, sách vở, văn bằng. Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ điểm.</li> <li>- Củng cố về danh từ và cụm danh từ.</li> <li>- Củng cố về câu trần thuật đơn có mô hình: Ai - là gì(ai) ? Ai - làm gì ? Ai - thế nào ?</li> <li>- Văn bản: bản tin, thông báo.</li> <li>- Nghi thức giao tiếp với thầy cô giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp về việc học tập địa phương.</li> <li>- Nói lời chào thầy cô giáo, lời xưng hô, thưa gửi khi trao đổi với thầy cô giáo.</li> <li>- Nghe bản tin, báo cáo, câu chuyện thuộc chủ đề và nói lại một vài ý chính.</li> <li>- Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khóa ngắn. Viết bản tin về giáo dục, thông báo về giáo dục, đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về giáo dục.</li> </ul>

<p><b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b></p>	<p><b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b></p>	<p><b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b></p>
<p><b>9. Bảo vệ Tổ quốc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Truyền thông yêu nước và bảo vệ Tổ quốc của người Việt Nam.</li> <li>- Thủ đoạn chia rẽ dân tộc và phá hoại hoà bình của những kẻ thù địch.</li> <li>- Bảo vệ biên cương.</li> <li>- Giữ gìn trật tự an ninh ở bản làng người Mông</li> <li>- Những gương tốt người Mông bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn trật tự an ninh bản làng, quê hương.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về bảo vệ Tổ quốc: truyền thông bảo vệ Tổ quốc, các lực lượng và những hoạt động bảo vệ Tổ quốc. Những thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ đề.</li> <li>- Cung cố về động từ và cụm động từ.</li> <li>- Cung cố về câu hỏi và câu hỏi lựa chọn.</li> <li>- Văn bản: đơn, báo cáo</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp về hoạt động bảo vệ Tổ quốc ở địa phương.</li> <li>- Luyện tập đặt câu hỏi lựa chọn.</li> <li>- Nghe kể chuyện về hoạt động bảo vệ Tổ quốc và kể lại những ý chính. Ghi tên một vài nhân vật trong câu chuyện đã nghe.</li> <li>- Nghe bản tin, báo cáo, hợp với chủ đề và nói lại một vài ý chính.</li> <li>- Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khóa ngắn. Viết đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về bảo vệ Tổ quốc. Viết đơn, báo cáo ngắn.</li> </ul>
<p><b>10. Văn hóa dân tộc</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử dân tộc và truyền thống văn hóa Mông.</li> <li>- Âm nhạc, văn học dân gian của người Mông.</li> <li>- Trang phục của người Mông.</li> <li>- Lễ hội và một số</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về văn hóa nghệ thuật (văn hóa nghệ thuật chung và văn hóa nghệ thuật Mông). Một số thành ngữ, tục ngữ, ca dao, truyện nói về chủ đề.</li> <li>- Cung cố về tính từ và cụm tính từ.</li> <li>- Cung cố về câu cảm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp về văn hóa dân tộc Mông (lễ hội, trang phục, nghệ thuật dân gian,...). Nói lời khen, chê .</li> <li>- Nói lời giới thiệu về một số lễ hội, trang phục, món ăn dân tộc của người Mông.</li> <li>Nói lời chỉ dẫn về bài trừ những hủ tục lạc hậu ở địa phương.</li> </ul>

09692033

<b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b>	<b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b>	<b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b>
<p>phong tục tập quán đẹp của người Mông.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng nếp sống văn hóa mới, gia đình văn hóa, bản làng văn hóa ở vùng người Mông.</li> <li>- Bảo tồn và phát triển di sản văn hóa Mông.</li> </ul>	<p>thán, câu cầu khiến.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bài văn kể chuyện, thuật việc đơn giản.</li> <li>- Nghi thức mời, yêu cầu, đề nghị, nghi thức giao tiếp trong đám cưới, đám ma, lễ hội.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe và kể lại một số ý chính trong câu chuyện đã nghe có nội dung hợp với chủ đề.</li> <li>- Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khóa.</li> <li>- Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khóa ngắn. Viết đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về bảo tồn và phát huy văn hóa Mông. Viết đoạn văn kể chuyện, thuật việc đơn giản.</li> </ul>
<p><b>11. Chính sách và pháp luật</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chính sách của Đảng và Nhà nước đối với đồng bào dân tộc.</li> <li>- Các quyền cơ bản và nghĩa vụ công dân.</li> <li>- Một số luật cơ bản.</li> <li>- Người Mông sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ ngữ về chính sách và pháp luật. Một số thành ngữ, tục ngữ, câu chuyện hợp với chủ điểm.</li> <li>- Củng cố về số từ, loại từ và quan hệ từ.</li> <li>- Củng cố câu phủ định, từ chối, bác bỏ</li> <li>- Củng cố các nghi thức nói: nói khi phát biểu ý kiến trước nhiều người, nói với người già, với thầy cô giáo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỏi đáp về một số chính sách của Đảng và Nhà nước với đồng bào dân tộc (chính sách 135, cho vay vốn, xóa đói giảm nghèo). Hỏi đáp về một số luật cơ bản.</li> <li>- Nghe kể chuyện và kể lại nội dung chính của những câu chuyện đã nghe hợp với chủ đề.</li> <li>- Nói lời giới thiệu một số chính sách và pháp luật liên quan đến đời sống của người Mông. Nói lời chỉ dẫn bà con thực hiện một số chính sách và pháp luật.</li> <li>- Luyện đọc, trả lời câu hỏi và tóm tắt bài khóa.</li> </ul>

<b>Chủ đề học tập - Bài khóa</b>	<b>Kiến thức tiếng Mông và văn hóa Mông</b>	<b>Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết</b>
<div data-bbox="368 405 796 595" style="border: 1px solid black; padding: 5px;"><b>LawSoft</b> THƯ VIỆN PHÁP LUẬT www.ThuVienPhapLuat.Com</div>		- Viết chính tả trích đoạn hoặc bài khóa ngắn. Viết đoạn văn thuyết minh (giới thiệu, tuyên truyền) về chính sách và pháp luật, viết đoạn văn chỉ dẫn thực hiện một số chính sách, pháp luật.

## VI. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Tính pháp lý của bộ chữ tiếng Mông và vấn đề phương ngữ

#### a) Về tính pháp lý của bộ chữ tiếng Mông

Bộ chữ tiếng Mông dùng trong Chương trình này là bộ chữ được Chính phủ phê chuẩn tại văn bản số 206 - CP ngày 27 tháng 11 năm 1961.

#### b) Vấn đề phương ngữ

Tiếng Mông có 5 phương ngữ. Khi xây dựng chữ viết Mông, những người làm chữ đã lấy phương ngữ Mông Lênh vùng Sa Pa là một phương ngữ tương đối phổ biến làm căn cứ để xây dựng hệ thống chữ viết ghi âm. Bộ chữ này thể hiện tương đối đủ hệ thống ngữ âm của các phương ngữ khác trong tiếng Mông.

Tuy nhiên, do phương ngữ được chọn chỉ là tương đối phổ biến nên khi biên soạn tài liệu dạy học cần có mục đối chiếu các phương ngữ sau từng bài hoặc có bảng từ ngữ đối chiếu ở cuối tài liệu. Bên cạnh đó, cần trang bị cho học viên các tài liệu công cụ như Sổ tay từ ngữ các phương ngữ tiếng Mông, Từ điển so sánh Việt - Mông, Mông - Việt để học viên tham khảo.

### 2. Cấu trúc nội dung của chương trình

#### a) Đặc điểm cấu trúc

Chương trình được thiết kế thành hai giai đoạn: giai đoạn 1 học phát âm và viết chữ, giai đoạn 2 học nghe, nói, đọc, viết và các kiến thức về tiếng Mông, văn hóa

Mông theo các bài học tích hợp. Ở giai đoạn 1 nội dung tập trung vào học phát âm các phụ âm, vần, thanh điệu tiếng Mông và các ký tự ghi những phụ âm, vần, thanh điệu; học ghép vần và luyện đọc, luyện nghe nói đơn giản. Ở giai đoạn 2, nội dung tập trung vào rèn các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, cung cấp các kiến thức về tiếng Mông và văn hóa Mông theo hệ thống cụm bài học tích hợp thuộc 11 chủ đề học tập. Chương trình nêu lên 11 chủ đề, nhưng khi biên soạn tài liệu học tập cần căn cứ vào yêu cầu, đối tượng và nội dung học tập của Chương trình này để đề xuất thêm các chủ đề cần thiết và phân bố lại thời lượng cho phù hợp với mỗi chủ đề và phù hợp với đối tượng học viên, với tình hình thực tế ở địa phương.

#### b) Cấu trúc và nhiệm vụ của bài học tích hợp

Chương trình được thiết kế theo các cụm bài học. Mỗi cụm bài ứng với một chủ đề học tập. Mỗi cụm bài gồm nhiều bài học tích hợp. Trong từng bài học tích hợp đều có các phần: Bài khóa; Luyện nghe, nói; Luyện đọc; Luyện viết; Kiến thức tiếng Mông (từ ngữ, ngữ pháp) và văn hóa Mông.

Mỗi phần của bài học có nhiệm vụ sau:

- Bài khóa: cung cấp vốn từ, mẫu câu, những hiểu biết về xã hội, văn hóa truyền thống của dân tộc Mông;

- Kiến thức từ ngữ, ngữ pháp: mở rộng vốn từ, trang bị những kiến thức sơ giản về từ ngữ, ngữ pháp tiếng Mông; rèn kỹ năng dùng từ, đặt câu;

- Luyện nghe, nói: Rèn kỹ năng nghe trong hội thoại (nghe câu hỏi, nghe ý kiến trong các cuộc trao đổi thảo luận với những học viên khác và với giáo viên), nghe đọc, nghe kể chuyện, thuật việc. Rèn kỹ năng nói trong hội thoại (hỏi và trả lời câu hỏi, đáp lại ý kiến của người khác); phát biểu ý kiến theo gợi ý, theo đề tài; thuật việc, kể chuyện;

- Luyện đọc: rèn kỹ năng phát âm, đọc thành tiếng và đọc thầm, đọc hiểu, nghe và trả lời câu hỏi;

- Luyện viết: rèn kỹ năng viết chính tả, viết câu văn, đoạn văn thuật việc, thuyết minh, văn bản thông thường (thông báo, bản tin ngắn, thư trao đổi công việc, đơn, lời chỉ dẫn, ...).

#### c) Phân bố thời lượng cho các phần của bài học tích hợp

Thời lượng dành cho các phần trong bài học tích hợp nhìn chung phải thể hiện tỷ lệ thời lượng đã nêu trong kế hoạch dạy học. Trong phạm vi thời lượng dành cho mỗi phần, người biên soạn tài liệu được chủ động sắp xếp thời gian để rèn kỹ năng, dạy kiến thức mới hay ôn luyện, củng cố các kiến thức và kỹ năng đã học; giáo viên cũng được linh hoạt trong việc phân bố thời gian rèn từng kỹ năng và dạy từng kiến thức để bài học phù hợp với đối tượng học viên trong từng lớp.

### 3. Về tài liệu dạy học

a) Ngữ liệu dùng để dạy tiếng Mông là các đoạn hội thoại, bản tin, văn bản phổ biến kiến thức khoa học và đời sống, đơn, thư, câu đố, tục ngữ, thành ngữ, câu chuyện lịch sử, truyện dân gian, thơ dân gian, truyện vui nguyên bản tiếng Mông hoặc được dịch từ tiếng Việt sang tiếng Mông. Các ngữ liệu này có cấu trúc ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, thể hiện những kiến thức về tiếng Mông đã nêu trong phần nội dung.

b) Chương trình này là cơ sở để biên soạn giáo trình, tài liệu dạy tiếng Mông cho học viên và tài liệu hướng dẫn giảng dạy cho giáo viên. Ngôn ngữ dùng trong tài liệu là tiếng Mông và tiếng Việt.

### 4. Về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

#### a) Về phương pháp dạy học

Để thực hiện Chương trình tiếng Mông có hiệu quả, người dạy cần vận dụng các phương pháp dạy học phát huy tính tích cực, chủ động của người học, tập trung vận dụng những phương pháp đặc trưng của môn học như thực hành giao tiếp, đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ, thảo luận, đặt và giải quyết vấn đề trong dạy học. Cần phối hợp những phương pháp nói trên một cách linh hoạt trong mỗi bài học để phát huy được hết khả năng lĩnh hội của người học và tạo cho người học niềm hứng thú trong học tập.

#### b) Về hình thức tổ chức dạy học

Để người học làm quen với việc tự học, giờ học sinh động và có hiệu quả, người dạy cần thay đổi hình thức tổ chức dạy học trong một bài dạy: phối hợp ba hình thức tổ chức dạy học (học cá nhân, học theo nhóm nhỏ, học theo lớp). Hình thức học cá nhân được áp dụng trong các trường hợp giáo viên giao những nhiệm vụ phát hiện các đơn vị kiến thức nhỏ, rèn luyện các bộ phận kỹ năng của từng cá thể

mà không đòi hỏi sự hợp tác (ví dụ: phát âm đúng các âm, các từ, trả lời các câu hỏi nhỏ trong bài đọc, trình bày hiểu biết và kinh nghiệm của cá nhân về một vấn đề nêu trong bài học, ...). Hình thức học nhóm được áp dụng trong các trường hợp nhiệm vụ giáo viên giao cho học viên đòi hỏi các học viên phải hợp tác với nhau mới thực hiện được (ví dụ: học các bài hội thoại, học qua đóng vai, học qua thảo luận, trao đổi để giải quyết một vấn đề học viên gặp trong công tác...). Hình thức học theo lớp được áp dụng chủ yếu trong các trường hợp học viên nghe giáo viên giải thích, hướng dẫn, làm mẫu... Ngoài ra tùy theo điều kiện dạy học cụ thể, người dạy nên phối hợp tổ chức dạy học trong lớp với tổ chức dạy học tại địa bàn công tác của học viên (trong các đợt tham quan hoặc đi thực tế).

## 5. Về đánh giá kết quả học tập

### a) Về phương thức đánh giá

Việc đánh giá kết quả học tập của học viên được thực hiện theo các phương thức:

- Đánh giá thường xuyên (trong mỗi giờ lên lớp);
- Đánh giá định kỳ (cuối mỗi bài, cụm bài);
- Đánh giá cuối khóa.

### b) Về nguyên tắc đánh giá

Đánh giá toàn diện kết quả học tập của học viên theo các nội dung đã được nêu trong Chương trình. Kỹ năng nghe và nói cần được đánh giá nhiều hơn, thường xuyên hơn các kỹ năng đọc và viết. Việc đánh giá cần đảm bảo tính toàn diện, khách quan và chính xác.

### c) Cách kiểm tra, đánh giá

Cách kiểm tra đánh giá cần đa dạng và phù hợp với từng kỹ năng. Chương trình chủ trương đa dạng hóa công cụ đánh giá. Tùy thuộc vào từng kỹ năng, có thể sử dụng phối hợp các loại công cụ sau đây: đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi tự luận; đánh giá bằng vấn đáp, đánh giá bằng bài viết, cụ thể như sau:

- Các kỹ năng đọc thành tiếng, viết chữ, viết chính tả được đánh giá qua hoạt động thực hành của từng học viên;

- Các kỹ năng đọc - hiểu, dùng từ, đặt câu được đánh giá bằng những câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi mở;

- Các kỹ năng nghe và nói được đánh giá bằng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, câu hỏi mở, bằng hình thức vấn đáp;

- Các kỹ năng viết đoạn văn, bài văn được đánh giá bằng bài kiểm tra viết (tự luận).

#### d) Cấp chứng chỉ

Việc xét cấp chứng chỉ cho học viên căn cứ vào quá trình học tập và kết quả kỳ thi cuối khóa.

### 6. Về các hình thức đào tạo

a) Đào tạo tập trung một đợt tại các lớp học theo thời gian quy định trong Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

b) Đào tạo tập trung nhiều đợt, mỗi đợt hoàn thành một phần nội dung của Chương trình. Kết thúc khóa học, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

c) Đào tạo bán tập trung: học viên vừa công tác, vừa theo học một số buổi trong tuần hoặc một số ngày trong tháng. Kết thúc Chương trình, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

d) Tự học có hướng dẫn: Học viên tự học qua tài liệu. Kết thúc mỗi phần của Chương trình, học viên được giáo viên hướng dẫn học tiếp các phần sau cho đến hết Chương trình. Kết thúc Chương trình, học viên dự thi và được xét cấp chứng chỉ.

### 7. Về điều kiện thực hiện chương trình

Để thực hiện Chương trình này có hiệu quả, cần đảm bảo một số điều kiện cơ bản sau:

a) Có đủ tài liệu học tập cho học viên, sách hướng dẫn cho giáo viên;

b) Có giáo viên dạy bằng cả tiếng Mông và tiếng Việt cho từng lớp;

c) Có phòng học.

d) Các điều kiện khác (tùy theo từng địa phương):

- Các loại sách bổ trợ (truyện dân gian, thơ dân gian, câu đố, tục ngữ, thành ngữ



bằng tiếng Mông); sách công cụ (Từ điển Việt - Mông, Từ điển Mông - Việt, Sổ tay từ ngữ và phương ngữ Mông, Ngữ pháp tiếng Mông ...);

- Có trang thiết bị dạy học: thiết bị nghe - nhìn (máy cát sét và băng đĩa ghi âm, ti vi và đầu đĩa, băng đĩa ghi hình) và một số thiết bị dạy học khác.

đ) Có chế độ chính sách khuyến khích đối với học viên và giáo viên giúp học viên, giáo viên hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

## **KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Vọng**